

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU VỀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐÔ THỊ HOÁ ĐẾN TÂM LÝ NGƯỜI NÔNG DÂN VEN CÁC ĐÔ THỊ

Mai Thanh Thế

Viện Tâm lý học.

I. Khái quát về đô thị và đô thị hoá

Lý thuyết và mô hình đô thị được hình thành năm 1820 và phát triển từ năm 1910. Theo lý thuyết và mô hình đô thị thì nguyên nhân đô thị hoá là do quá trình tập trung dân số trong một xã hội công nghiệp. Nhưng cho đến nay, giữa các quốc gia trên thế giới vẫn chưa có một sự thống nhất nào về qui mô dân số của các đô thị. Theo thống kê của Liên Hợp Quốc (1974 và 1994), qui mô dân số của các đô thị gia tăng rất nhanh: nếu năm 1800 trên thế giới chưa có đô thị nào trên 1.000.000 dân, thì năm 1900 có 11, năm 1950 có 75, năm 1970 có 162. Hiện nay, các đô thị đó đã trở thành các siêu đô thị với qui mô dân số hơn 10 triệu dân, như New York, Mexico City, Tokyo, Paris, Moscow... Do vậy, hiện nay, các nhà nghiên cứu đô thị chia các đô thị trên 1 triệu dân thành 3 loại: Loại nhỏ từ 1 đến dưới 5 triệu dân, loại vừa từ 5 đến dưới 10 triệu dân, loại lớn (siêu đô thị) từ 10 triệu dân trở lên. Ngoài ra, tùy theo tính chất của từng đô thị mà mỗi quốc gia có thể phân loại đô thị theo hướng phát triển và các điều kiện riêng (4 - tr. 269 - 270).

Do sản xuất công nghiệp và dịch vụ phát triển, các đô thị lớn trở thành các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học, giáo dục... Do vậy, từ năm 1960 người ta phân loại đô thị dựa theo tính chất của nó. Do đó, các đô thị của một quốc gia có thể gồm:

- Theo tính chất quản lý hành chính, chính trị, văn hoá - xã hội: có thủ đô, thành phố, tỉnh lỵ (thành phố thuộc tỉnh, thị xã), thị trấn huyện lỵ, thị tứ xã lỵ.
- Theo tính chất văn hoá: có đô thị du lịch, đô thị lịch sử, đô thị khoa học...
- Theo tính chất kinh tế: có đô thị công nghiệp, đô thị cảng.

Nhờ vào việc phân loại đô thị theo tính chất như trên mà các nhà nghiên cứu đô thị có thể xác định được qui hoạch phát triển, qui mô dân số, quỹ đất đai... và đề xuất được các giải pháp để điều chỉnh diện tích đất đai và tái phân bố dân cư cho phù hợp. Việc qui hoạch đô thị và phân khu chức năng nhằm đạt được 4 chức năng căn bản của một đô thị là: cư trú, đi lại, làm việc và nghỉ ngơi sao cho phù hợp với điều kiện phát triển sản xuất, phát triển xã hội, điều kiện tự nhiên và môi trường trong sạch, lành mạnh; điều kiện văn hoá truyền thống cần được bảo tồn...

Ở Việt Nam, theo Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 5/10/2001 của Chính phủ phân loại lại đô thị và cấp quản lý đô thị thành 6 loại:

- Đô thị loại đặc biệt: là thủ đô hoặc đô thị với chức năng trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá, khoa học kỹ thuật (KHKT), đào tạo, du lịch, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Dân số từ 1,5 triệu trở lên, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp 90% trở lên... Loại này có Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng do TW quản lý.

- Đô thị loại 1: là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá, KHKT, du lịch, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng lãnh thổ liên tỉnh hoặc của cả nước. Dân số từ 500.000 trở lên, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 85% trở lên... Do TW quản lý.

- Đô thị loại 2: là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá, KHKT, du lịch, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong vùng tỉnh, vùng liên tỉnh hoặc cả nước, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng lãnh thổ liên tỉnh hoặc một số lĩnh vực đối với cả nước. Dân số từ 250.000 đến dưới 500.000, có tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 80% trở lên... Do tỉnh quản lý.

- Đô thị loại 3: là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá, KHKT, dịch vụ, du lịch, đầu mối giao thông, giao lưu trong tỉnh hoặc vùng liên tỉnh, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của một tỉnh hoặc một số lĩnh vực đối với vùng liên tỉnh. Dân số từ 100.000 đến dưới 250.000, có tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 75% trở lên...

- Đô thị loại 4: là trung tâm tổng hợp hoặc chuyên ngành về kinh tế, chính trị, văn hoá, KHKT, dịch vụ, đầu mối giao thông, giao lưu trong tỉnh, có vai trò thúc đẩy sự phát triển của một tỉnh hoặc một vùng trong tỉnh. Dân số từ 50.000 đến dưới 100.000, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 70% trở lên... Do huyện quản lý.

- Đô thị loại 5: là trung tâm tổng hợp hoặc chuyên ngành về chính trị, kinh tế, văn hoá và dịch vụ, có vai trò thúc đẩy sự phát triển của một huyện hay một cụm xã. Dân số từ 4.000 đến dưới 50.000, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 65% trở lên... Do huyện quản lý.

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật dẫn đến khuynh hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên toàn cầu. Khi công nghiệp hoá càng mạnh thì nhu cầu lao động tập trung càng tăng, nhu cầu phát triển thương mại - dịch vụ cũng tăng theo, do đó sức thu hút di dân từ các vùng nông thôn tập trung về các tụ điểm, các khu công nghiệp đông dân cư càng lớn tạo thành các khu đô thị mới.

Đô thị hoá là quá trình cấu trúc lại chức năng của khu vực nông thôn, là quá trình gia tăng phát triển công nghiệp và dịch vụ.

Tiền đề của đô thị hoá bao gồm: 1) Sự phát triển của lực lượng sản xuất công nghiệp ở khu vực nông thôn; 2) Sự biến đổi trong mối quan hệ tương hỗ giữa khu vực thành thị và nông thôn. Mối quan hệ tương hỗ này thường mang tính quyết định làm thay đổi bộ mặt nông thôn tiểu nông thành các tiểu đô thị ngoại vi (2 - tr. 15). Đến nay đô thị hoá đã trở thành một hiện tượng bùng nổ.

II. Tác động của đô thị hoá đến tâm lý của người dân

Đô thị hoá luôn gắn liền với CNH và HĐH. Nó là một quá trình mang ý nghĩa cách mạng, là bước chuyển từ xã hội nông thôn, nông nghiệp sang thành khu đô thị và công nghiệp, từ đời sống cổ truyền sang đời sống hiện đại. Sự chuyển biến này không chỉ diễn ra trong hoạt động kinh tế mà còn trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như: văn hoá, chính trị, tư tưởng... Tất cả những diễn biến này đều có tác động không nhỏ đến trạng thái tâm lý của người dân ven đô thuộc những khu vực đã và đang được đô thị hoá và CNH.

Tốc độ CNH và đô thị hoá ở nước ta trong những năm gần đây tương đối nhanh. "Dân số đô thị năm 1986 mới có 11,87 triệu người, chiếm 19,3% tổng dân số; năm 2002 đã tăng lên khoảng 20 triệu người, chiếm trên 25,3% tổng dân số. Đất đô thị cũng tăng từ 0,2% tổng đất tự nhiên quốc gia năm 1999 lên tới gần 1% năm 2003. Năm 1999 mới có 1 khu công nghiệp mới, đến cuối năm 2003 toàn quốc đã thành lập 82 khu công nghiệp" (3 - tr. 209).

Đô thị hoá và CNH đã, đang và sẽ xoá dần đi nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu kéo dài hàng ngàn năm lịch sử ở nước ta; nó sẽ làm giảm bớt sự nhọc nhằn của lao động cơ bắp, sự vất vả sớm chiều của người nông dân và dần dần đưa nước ta trở thành một nước có nền sản xuất tiên tiến và hiện đại. Nó sẽ nhanh chóng xoá đi những nếp nghĩ, thói quen lạc hậu trong sản xuất, phân phối và sinh hoạt từ thời cổ xưa, đem lại dần một lối sống tiên tiến và hiện đại;

nó góp phần xoá bỏ nhiều phong tục, tập quán đã lỗi thời của nông thôn Việt Nam.

Đô thị hoá nhanh gây ra áp lực tâm lý lớn đối với người nông dân ven đô, bởi nhiều diện tích đất nông nghiệp của họ phải chuyển thành đất đô thị, đất công nghiệp, đất giao thông... ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế các gia đình nông dân. Mặc dù sản lượng lương thực ở khu vực này so với các khu vực khác trong nước là không cao, nhưng với họ, với con cháu họ thì cơ hội tìm kiếm việc làm để có thu nhập đảm bảo cuộc sống cho bản thân và gia đình là chưa thể đến ngay được do họ không được đào tạo và thiếu tay nghề. Hơn nữa, không phải bất cứ ai trong vùng cũng có thể được tiếp nhận vào làm việc tại các khu công nghiệp. Do vậy, lực lượng lao động dư thừa trong mỗi gia đình sẽ tăng lên và chưa thể có ngay lối thoát, vấn đề nghèo đói và thất nghiệp được đặt ra. Đây là sự trăn trở lớn nhất, băn khoăn nhất và lo ngại nhất của người dân ven đô, đặc biệt là những người trong độ tuổi lao động. Trong khi đó, "những người di dân lại có kinh nghiệm, có bằng cấp cần thiết và họ có thể sẵn sàng làm việc được ngay trong môi trường công nghiệp. Theo báo cáo mới đây về những người di dân ở thành phố Hồ Chí Minh, khoảng 45% trong số họ đã kiếm được việc làm trong các lĩnh vực phi nông nghiệp trên mảnh đất họ mới đến định cư" (1 - tr. 490). Thêm vào đó là những người địa phương chịu thiệt thòi khi đất nông nghiệp của họ bị biến thành đất công nghiệp và đất đô thị, đất giao thông... và bị rơi vào tình trạng lúng túng trong định hướng nghề nghiệp trong một thời gian.

Theo các nhà nghiên cứu, quá trình đô thị hoá các đô thị lớn ở Việt Nam đã phản ánh cho chúng ta thấy:

1. Dịch vụ xã hội cơ bản vùng ven đô được cải thiện đáng kể, góp phần nâng cao nhận thức và đáp ứng các nhu cầu ngày càng tăng của người dân

- Quá trình đô thị hoá có tác động tích cực đến việc đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục trên địa bàn các đô thị lớn. Trong những năm qua, ở các đô thị lớn, ngân sách dành cho sự nghiệp giáo dục tăng đáng kể. Nguồn ngân sách này đầu tư cho việc sửa chữa và nâng cấp các trường học có từ trước, đồng thời xây mới thêm nhiều trường học khác để đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng của người dân. Đây là yếu tố tích cực, là điều đáng mừng đối với người dân, vì giáo dục không chỉ có liên quan đến nhu cầu nhận thức, nhu cầu thăng tiến và sự nghiệp của mỗi con người, mà nó còn có liên quan chặt chẽ đến việc làm trước mắt của họ và con cháu họ trong thời kỳ chuyển đổi từ nông nghiệp sang công nghiệp. Thiếu học vấn sẽ là ngăn trở cơ bản trong sự chuyển dịch về việc làm từ nông nghiệp sang công nghiệp, bởi yêu cầu để có việc làm trong

các nhà máy, các khu công nghiệp, v.v... tối thiểu là tốt nghiệp trung học cơ sở. Theo nghiên cứu của GS.TSKH Lê Du Phong và các cộng sự thì tác động của đô thị hoá không chỉ thể hiện ở sự phát triển đầu tư xây dựng cơ sở vật chất ngành giáo dục, mà còn biểu hiện ở nhận thức của người dân về nhu cầu được đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Năm 2000, số học sinh ở các trường phổ thông trung học ở ngoại thành Hà Nội tăng gần gấp đôi so với năm 1990 (7 - tr.131).

- Nhờ đô thị hoá, mạng lưới y tế cơ sở được củng cố, hoàn thiện và dịch vụ y tế được phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc khám và chữa bệnh, làm cho người dân an tâm hơn trong cuộc sống sinh hoạt và làm ăn, góp phần duy trì và thúc đẩy sự phát triển kinh tế đô thị. Mạng lưới y tế cơ sở chính là hạt nhân có tác động tích cực đến nhận thức của người dân về phong trào phòng chống dịch bệnh, phong trào vệ sinh làm sạch đường làng, ngõ xóm, cải thiện môi trường sống và đồng ruộng. Về phương diện tâm lý mà nói, đây là một trong những khía cạnh đáp ứng nhu cầu an toàn của con người.

- Đô thị hoá cũng là động lực thúc đẩy các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, góp phần đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về đời sống tinh thần và văn hoá của nhân dân, phát huy nét đẹp về thuần phong mỹ tục của các vùng nông thôn ven đô. Hoạt động văn hoá văn nghệ phát triển đa dạng, phong phú, đặc biệt là văn hoá nghệ thuật quần chúng đã góp phần không nhỏ vào việc nâng cao đời sống tinh thần, khả năng sáng tạo văn hoá nghệ thuật của người dân. Các loại hình câu lạc bộ thể dục thể thao như cờ vua, cờ tướng, thái cực quyền, cầu lông,... được hình thành và phát triển không chỉ đáp ứng nhu cầu nâng cao sức khoẻ của người dân, mà còn giúp họ có điều kiện vui chơi, giải trí và giao lưu với bạn bè, hình thành các thói quen trong sinh hoạt nhóm.

- Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc, các sinh hoạt văn hoá cổ truyền của người dân vùng ven đô cũng đã dần dần được khôi phục và phát triển. Nhiều công trình kiến trúc như đình, chùa, lăng miếu và các khu di tích, các đài tưởng niệm,... được khôi phục, xây mới, nâng cao đời sống văn hoá của nhân dân. Điều đó đáp ứng được một phần nhu cầu ngày càng tăng về đời sống tâm linh, thưởng thức văn hoá nghệ thuật và giao lưu của nhân dân mà nhiều lễ hội văn hoá truyền thống ở các đô thị đã và đang được mở rộng cả về qui mô và số lượng.

- Đô thị hoá có ảnh hưởng tích cực tới nhận thức của người dân về kế hoạch hoá gia đình, tỷ lệ sinh giảm từ 2,13% năm 1990 xuống còn 1,62% năm 2000 (7 - tr. 133).

- Đô thị hoá có tác động hạn chế các tập tục lạc hậu của người dân vùng nông thôn ngoại thành. Chẳng hạn, thói quen sử dụng phân tươi để chăm bón

rau xanh nay đã được xoá bỏ. Một số hủ tục nặng nề, rườm rà trong ma chay, cưới xin đã được xoá bỏ và dần dần theo kiểu đô thị để thích hợp với xã hội đô thị.

- Đô thị hoá cũng tác động mạnh tới yếu tố văn hoá mới như là sách, báo, tạp chí, văn hoá phẩm, thư viện... Điều đó giúp cho người dân có cơ hội nắm bắt được nhiều thông tin hơn, giúp họ nâng cao nhận thức và hiểu biết của mình không những về chính trị, văn hoá, xã hội, mà cả cách làm ăn, phát triển kinh tế hộ gia đình.

2. Cơ cấu nông thôn chuyển dịch theo hướng gia tăng tỷ trọng dịch vụ và các ngành phi nông nghiệp giúp người dân có cơ hội phát huy hết khả năng và năng lực của mình để làm ăn phát triển kinh tế: Một số người có năng lực làm kinh tế đã nhanh chóng tiếp cận thị trường, mạnh dạn đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh, trang trại... Họ đã thành công trong việc chuyển đổi nghề nghiệp. Loại hình kinh tế trang trại hộ gia đình (ngoài quốc doanh) được phát triển khá mạnh, các doanh nghiệp gia đình được hình thành, sự phân hoá giàu nghèo diễn ra nhanh chóng. Tâm lý chủ - thợ cũng bước đầu được hình thành. Do vậy, ở một số người xuất hiện tâm lý làm giàu, làm ông chủ - bà chủ, số khác là những người dân còn nghèo khó có cơ hội tìm kiếm nhiều việc làm phù hợp và có thu nhập cao hơn so với làm nông nghiệp. Sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng dịch vụ và phi nông nghiệp cũng tạo cho những người dân nơi đây tính năng động, tính sáng tạo và tính chủ động trong việc chuyển dịch cơ cấu làm ăn để phát triển kinh tế hộ gia đình và ổn định cuộc sống. Nhiều người trẻ tuổi có học vấn, có tay nghề đã tham gia cả lao động nông nghiệp và lao động phi nông nghiệp, giúp họ có thu nhập tốt hơn, đáp ứng được nhiều nhu cầu của cuộc sống như: nhu cầu về nhà ở, nhu cầu về an toàn, nhu cầu tham quan du lịch, nhu cầu hưởng thụ văn hoá vật chất và tinh thần....

Ngoài những tác động tích cực nêu trên thì đô thị hoá cũng đang tạo ra những thách thức và băn khoăn, lo lắng đối với người dân ven đô, như:

- Lo đô thị hoá sẽ nhanh chóng làm biến đổi tập quán của người dân thông qua các hoạt động xã hội, quan hệ, sinh hoạt, làm việc hàng ngày. Lối sống truyền thống trong gia đình, trong họ, trong thôn xóm và làng xã cũng sẽ có xu hướng mất dần đi trong hoàn cảnh sinh hoạt ở thành phố. Điều đó có ảnh hưởng rất lớn đến sự gắn kết bền chặt vốn có trong làng, trọng họ ở địa phương. Nó làm thay đổi các mối quan hệ xưa nay của họ. Dù rằng việc thay đổi tập quán sinh hoạt, lối sống, phương thức kiếm sống và các mối quan hệ là kết quả tất yếu của quá trình đô thị hoá.

- Lo đô thị hoá tạo dựng công ăn việc làm mới cho bản thân và gia đình không thành công làm cho thu nhập gia đình không ổn định như trước, mức sống bị giảm sút. Điều đó tạo ra tâm lý thiếu tự tin ảnh hưởng đến việc lập nghiệp và làm ăn.

- Lo đô thị hoá làm ô nhiễm môi trường nước mặt, ô nhiễm không khí, ô nhiễm tiếng ồn... do công nghiệp và giao thông ngày càng phát triển, làm phát sinh nhiều bệnh tật như các bệnh về đường hô hấp, bệnh đường tiêu hoá, bệnh mắt, bệnh dị ứng và bệnh ung thư v.v... làm ảnh hưởng đến nhu cầu an toàn của họ.

- Lo đô thị hoá tạo ra tắc nghẽn giao thông, thiếu nhà ở, thiếu nước sạch...

- Lo đô thị hoá làm cho các tệ nạn xã hội như ma tuý, mại dâm, cờ bạc, trộm cắp, cướp giật... phát triển làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương, làm mất đi cuộc sống an bình vốn có của người dân địa phương và có thể có tác động xấu đến các thế hệ con cháu của họ.

Kết luận

Cùng với tiến trình CNH, HĐH ở nước ta thì đô thị hoá cũng diễn ra rất nhanh chóng. Tiến trình đô thị hoá là tiến trình có qui luật, không phụ thuộc vào ý chí của con người. Đó là quá trình cơ cấu kinh tế - xã hội được điều chỉnh, thay đổi và nâng cao nhanh.

Đô thị hoá có tác động không nhỏ đến tâm trạng, đến lối sống, đến các quan hệ, đến các nhu cầu, đến nhận thức và ý thức của người dân ven các đô thị. Một mặt, nó là đòn bẩy thúc đẩy động cơ làm việc, kích hoạt các nhu cầu và cách thức đáp ứng nhu cầu, nâng cao nhận thức về nhiều mặt, nâng cao tính năng động, tính sáng tạo của người dân trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ làm nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp, giúp họ có cơ hội có thu nhập cao hơn, kinh tế gia đình được nâng lên, sinh hoạt gia đình phong phú hơn, cuộc sống vui nhộn hơn, thoải mái hơn. Mặt khác, nó cũng tạo ra những bất khoản, lo lắng như: 1) Đất nông nghiệp của họ bị thu hẹp, thiếu đất làm ăn trong lúc họ chưa kịp thích ứng với việc chuyển đổi cơ cấu làm ăn, dẫn đến tình trạng thiếu việc làm, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống. 2) An ninh trật tự xã hội, biến đổi văn hoá, tập quán sinh hoạt và lối sống, việc làm, những biến động môi trường sống, môi trường sinh thái cũng làm cho họ có những bất khoản nhất định.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Huy Lê. *Các nhà Việt Nam học nước ngoài viết về Việt Nam*. NXB Thế giới, 2002.

2. Nguyễn Ngọc Tuấn. *Những vấn đề kinh tế - xã hội và môi trường vùng ven các đô thị lớn trong quá trình phát triển bền vững*. NXB KHXH, 2003.
3. Lê Quý An. *Việt Nam môi trường và cuộc sống*. NXB Chính trị quốc gia, 2004.
4. Phạm Đỗ Chí. *Làm gì cho nông thôn Việt Nam*. NXB TP Hồ Chí Minh, 2003.
5. Đảng Cộng sản Trung Quốc. *Những vấn đề nóng bỏng của các cấp lãnh đạo Trung Quốc sau Đại hội XVI*. T. 2. NXB Thông tấn xã Việt Nam, Hà Nội, 2003.
6. Lưu Minh Trị. *Tìm trong di sản văn hóa Việt Nam, Thăng Long - Hà Nội*.
7. Lê Du Phong, Nguyễn Văn Áng, Hoàng Văn Hoa. *Ảnh hưởng của đô thị hoá đến nông thôn ngoại thành Hà Nội - Thực trạng và giải pháp*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.